

Họ, tên học sinh:.....

Số báo danh:.....

Mã đề: 111

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 ĐIỂM)

1. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Hệ tuần hoàn của động vật được cấu tạo từ những bộ phận nào?

- A. Tim, hệ mạch, dịch tuần hoàn.
- B. Hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu.
- C. Máu và dịch mô.
- D. Tim, động mạch, tĩnh mạch, mao mạch.

Câu 2. Hệ dẫn truyền tim hoạt động theo thứ tự nào sau đây?

- A. Nút xoang nhĩ → mạng Purkinje → nút nhĩ thất → bó His.
- B. Nút xoang nhĩ → bó His → nút nhĩ thất → mạng Purkinje.
- C. Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → bó His → mạng Purkinje.
- D. Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → mạng Purkinje → bó His.

Câu 3. Nhóm sắc tố nào tham gia trực tiếp chuyển hóa năng lượng ánh sáng hấp thụ được thành ATP, NADPH trong quá trình quang hợp?

- A. Clorophyll b.
- B. Clorophyll a.
- C. Carotenoid.
- D. Clorophyll a, b.

Câu 4. Hô hấp ở thực vật là

A. quá trình tổng hợp các hợp chất hữu cơ từ các chất vô cơ đơn giản (CO_2 và H_2O), đồng thời giải phóng năng lượng dưới dạng ATP và nhiệt.

B. quá trình phân giải các hợp chất hữu cơ thành các chất vô cơ đơn giản (CO_2 và H_2O), đồng thời giải phóng năng lượng dưới dạng nhiệt.

C. quá trình phân giải các hợp chất hữu cơ thành các chất vô cơ đơn giản (CO_2 và H_2O), đồng thời giải phóng năng lượng dưới dạng ATP.

D. quá trình phân giải các hợp chất hữu cơ thành các chất vô cơ đơn giản (CO_2 và H_2O), đồng thời giải phóng năng lượng dưới dạng ATP và nhiệt.

Câu 5. Khả năng cơ thể sinh vật chống lại các tác nhân gây bệnh, giữ cho cơ thể được khỏe mạnh và đảm bảo sự tồn tại của sinh vật là

- A. miễn dịch dịch thể.
- B. miễn dịch không đặc hiệu.
- C. hệ miễn dịch.
- D. miễn dịch tế bào.

Câu 6. Dinh dưỡng ở thực vật là

- A. quá trình hấp thụ tất cả các chất dinh dưỡng mà cây lấy được.
- B. quá trình chuyển hoá năng lượng trong cơ thể thực vật để duy trì sự sống.
- C. quá trình hấp thụ và sử dụng chất dinh dưỡng trong cây.
- D. quá trình sử dụng các chất dinh dưỡng mà rễ cây hấp thụ được.

Câu 7. Nước được vận chuyển ở thân chủ yếu

- A. qua mạch gỗ.
- B. từ mạch gỗ sang mạch rây.
- C. từ mạch rây sang mạch gỗ.
- D. qua mạch rây theo chiều từ trên xuống.

Câu 8. Ý nào sau đây **không** phải là dấu hiệu đặc trưng của trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật?

- A. Khả năng hoạt động giảm dần theo thời gian.
- B. Thu nhận các chất từ môi trường và vận chuyển các chất trong cơ thể.

C. Thải các chất ra môi trường.

D. Biến đổi các chất và chuyển hoá năng lượng.

Câu 9. Cơ quan nào trong số sau tham gia vào điều hòa cân bằng nội môi bằng cách điều hoà muối và nước trong cơ thể ?

A. Thận.

B. Gan.

C. Phổi.

D. Tim.

Câu 10. Quang hợp ở thực vật là

A. quá trình thực vật hấp thụ và sử dụng năng lượng hóa học để tổng hợp chất hữu cơ ($C_6H_{12}O_6$) từ O_2 và H_2O đồng thời giải phóng CO_2 .

B. quá trình thực vật hấp thụ và sử dụng năng lượng hóa học để tổng hợp chất hữu cơ ($C_6H_{12}O_6$) từ CO_2 và H_2O đồng thời giải phóng O_2 .

C. quá trình thực vật hấp thụ và sử dụng năng lượng ánh sáng để tổng hợp chất hữu cơ ($C_6H_{12}O_6$) từ O_2 và H_2O đồng thời giải phóng CO_2 .

D. quá trình thực vật hấp thụ và sử dụng năng lượng ánh sáng để tổng hợp chất hữu cơ ($C_6H_{12}O_6$) từ CO_2 và H_2O đồng thời giải phóng O_2 .

Câu 11. Phương thức sinh vật lấy chất hữu cơ từ sinh vật tự dưỡng hoặc từ sinh vật dị dưỡng khác để tiến hành trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng là phương thức

A. quang tự dưỡng.

B. tự dưỡng.

C. hoá tự dưỡng.

D. dị dưỡng.

Câu 12. Có bao nhiêu nguyên nhân sau đây dẫn đến khói thuốc lá có hại đối với hệ hô hấp ở người?

I. Khói thuốc lá làm tê liệt lớp lông rung của phế quản.

II. Khói thuốc lá có thể gây ung thư phổi.

III. Khói thuốc lá chứa CO làm giảm hiệu quả hô hấp.

IV. Khói thuốc lá làm nhiệt độ trong phổi tăng lên.

A. 2.

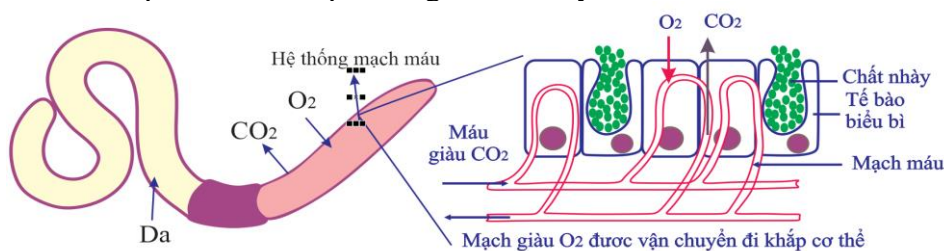
B. 4.

C. 1.

D. 3.

2. Câu trắc nghiệm dạng Đúng/Sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Hình minh họa quá trình hô hấp ở động vật sau đây:



Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về hình này?

a) Mô tả hô hấp bằng da ở động vật có xương sống .

b) Bề mặt hô hấp có nhiều mạch máu và ẩm ướt.

c) Khí O_2 và CO_2 được trao đổi trực tiếp qua bề mặt cơ thể ẩm ướt.

d) Thải O_2 sinh ra từ quá trình chuyển hóa trong tế bào ra môi trường, đảm bảo cân bằng nội môi.

Câu 2. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai?

a) Chuỗi chuyền electron hô hấp diễn ra ở màng trong ty thể, tạo ra lactic acid hoặc rượu ethanol.

b) Hô hấp quá trình phân giải các hợp chất vô cơ đơn giản thành các chất hữu cơ phức tạp đồng thời giải phóng năng lượng dưới dạng ATP và nhiệt.

c) Giai đoạn đường phân xảy ra tế bào chất của tế bào.

d) Chu trình Krebs diễn ra nhiều phản ứng biến đổi từ Acetyl-CoA thành CO_2 , ATP, NADH, $FADH_2$ và sản phẩm trung gian khác.

Câu 3. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai?

a) Tổng tiết diện mạch nhỏ, chênh lệch huyết áp lớn, máu sẽ chảy chậm.

b) Hệ mạch gồm các động mạch, tĩnh mạch nối với nhau thông qua các mao mạch.

c) Càng xa tim, huyết áp càng tăng, nên huyết áp cao nhất ở tĩnh mạch chủ.

d) Tim có vách ngăn để chia tim làm hai nửa, mỗi nửa chia làm hai phần gồm tâm nhĩ ở trên và tâm thất ở dưới.

3. Câu trắc nghiệm dạng trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1. Khi nói đến biện pháp bảo vệ thận cho cơ thể tốt. Có bao nhiêu biện pháp sau đây đúng?

- (1) Ăn nhiều muối để điều hòa áp suất thẩm thấu tốt hơn.
- (2) Không lạm dụng các loại thuốc.
- (3) Kiểm soát hàm lượng đường, cholesterol...trong máu.
- (4) Hạn chế uống nước.

Câu 2. Khi tìm hiểu về bệnh hô hấp do thuốc lá. Có bao nhiêu nhận định sau đây đúng?

- (1) Chứa nhiều chất gây tác động xấu đến đường hô hấp như nicotine, CO, Tar (Hắc ín),...
- (2) Chỉ gây ảnh hưởng trực tiếp đối với những người sử dụng thuốc lá.
- (3) Là tác nhân sinh học gây ra các bệnh về hô hấp như viêm khí quản, phế quản, ung thư phổi...
- (4) Các chất chứa trong khói thuốc lá là các chất không có khả năng gây nghiện.

Câu 3. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về nguyên nhân bên ngoài gây bệnh ở người?

- (1) Tác nhân sinh học: vi khuẩn, virus, vi nấm, giun sán,...
- (2) Tác nhân vật lý: cơ học, nhiệt độ, dòng điện, ánh sáng mạnh, âm thanh lớn,...
- (3) Yếu tố di truyền: đột biến gene, đột biến NST gây bạch tạng, mù màu,...
- (4) Tác nhân hóa học: acid, kiềm, chất cyanide trong nấm, măng, tetrodoxin trong cá nóc,...

Câu 4. Có bao nhiêu nhận định sau đây đúng về vai trò quang hợp đối với cây và đối với sinh giới?

- (1) Quang hợp tổng hợp chất hữu cơ cung cấp cho toàn bộ sinh vật sống trên trái đất.
- (2) Quang hợp hấp thu oxygen và thải CO₂ nhằm cân bằng lượng khí trong môi trường.
- (3) Biến đổi hợp chất hữu cơ thành nguồn năng lượng cung cấp cho mọi sinh vật trên trái đất.
- (4) Sản phẩm của quá trình quang hợp cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp, xây dựng...

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Câu 1.(1,5 điểm)

- a. Trình bày quá trình dinh dưỡng của động vật.
- b. Hãy giải thích vai trò của thực phẩm sạch đối với đời sống con người.

Câu 2.(1,5 điểm)

- a. Trình bày khái quát hệ vận chuyển trong cơ thể động vật bậc cao.
- b. Phân biệt hệ tuần hoàn kín và tuần hoàn hở ở động vật.

----- **Hết** -----

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 ĐIỂM)

1. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3,0 điểm): Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	Mã đề			
	111	112	113	114
1	A	D	D	C
2	C	B	C	D
3	B	D	C	C
4	D	A	B	D
5	C	C	C	D
6	C	C	D	D
7	A	D	D	D
8	A	A	C	D
9	A	B	B	D
10	D	A	B	A
11	D	C	D	A
12	D	B	D	D

2. Câu trắc nghiệm dạng Đúng/Sai. Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

- ☐ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
☐ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
☐ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
☐ Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Câu	Mã đề			
	111	112	113	114
1	a) Sai b) Đúng c) Đúng d) Sai	a) Sai b) Đúng c) Sai d) Đúng	a) Đúng b) Sai c) Đúng d) Sai	a) Đúng b) Sai c) Đúng d) Sai
2	a) Sai b) Sai c) Đúng d) Đúng	a) Đúng b) Sai c) Sai d) Đúng	a) Sai b) Đúng c) Sai d) Đúng	a) Đúng b) Sai c) Đúng d) Sai
3	a) Sai b) Đúng c) Sai d) Đúng	a) Sai b) Đúng c) Đúng d) Sai	a) Sai b) Đúng c) Sai d) Đúng	a) Đúng b) Sai c) Sai d) Đúng

3. Câu trắc nghiệm dạng trả lời ngắn. (Mỗi câu trả lời Đúng thí sinh được 0,25 Điểm)

Câu	Mã đề			
	111	112	113	114
1	2	1	2	3
2	1	2	2	1
3	3	3	1	2
4	2	2	3	2

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Câu hỏi	Nội dung	Điểm															
Câu 1 (1,5 điểm)	a. Trình bày quá trình dinh dưỡng của động vật.																
	- Lấy thức ăn: Động vật lấy thức ăn từ môi trường sống theo kiểu lọc, hút và ăn thức ăn rắn.	0,25															
	- Tiêu hóa thức ăn: là quá trình biến đổi các chất dinh dưỡng có kích thước lớn, cấu tạo phức tạp thành các phân tử nhỏ, đơn giản mà cơ thể hấp thụ được	0,25															
	- Hấp thụ: là quá trình các chất dinh dưỡng từ cơ quan tiêu hóa di chuyển vào cơ thể.	0,25															
	- Đồng hóa: sau khi được hấp thu, các chất dinh dưỡng được hệ tuần hoàn vận chuyển đến các tế bào trong cơ thể và được đồng hóa thành các chất hữu cơ phức tạp, tạo nên mô, cơ quan của cơ thể, tích lũy năng lượng cần thiết cho các hoạt động sống.	0,25															
	b, Hãy giải thích vai trò của thực phẩm sạch đối với đời sống con người.																
	- Thực phẩm sạch là thực phẩm không chứa chất độc hại, tạp chất, vi sinh vật gây bệnh, đảm bảo an toàn, tốt cho sức khỏe con người.	0,25															
	- Thực phẩm sạch cung cấp chất dinh dưỡng quan trọng, cần thiết cho cơ thể, giúp cơ thể phát triển, tăng sức đề kháng, tránh bệnh tật.	0,25															
Câu 2 (1,5 điểm)	a. Trình bày khái quát hệ vận chuyển trong cơ thể động vật bậc cao.																
	- Ở động vật bậc cao, hệ vận chuyển được gọi là hệ tuần hoàn có vai trò vận chuyển các chất trong cơ thể.	0,25															
	- Hệ tuần hoàn gồm các thành phần: dịch tuần hoàn, tim và hệ thống mạch máu.	0,25															
	b. Phân biệt hệ tuần hoàn kín và tuần hoàn hở ở động vật.																
	<table><tr><th>Đặc điểm</th><th>Hệ tuần hoàn hở</th><th>Hệ tuần hoàn kín</th></tr><tr><td>Thành phần cấu tạo</td><td>Tim, hệ mạch (động mạch, tĩnh mạch), dịch tuần hoàn (máu lẫn dịch mô).</td><td>Tim, hệ mạch (động mạch, mao mạch, tĩnh mạch), dịch tuần hoàn (máu).</td></tr><tr><td>Đường di chuyển của máu</td><td>Tim → Động mạch → Khoang cơ thể → Tĩnh mạch → Tim.</td><td>Tim → Động mạch → Mao mạch → Tĩnh mạch → Tim.</td></tr><tr><td>Áp lực máu trong mạch</td><td>Thấp</td><td>Cao hơn</td></tr><tr><td>Vận tốc máu chảy trong mạch</td><td>Chậm</td><td>Nhanh hơn</td></tr></table>	Đặc điểm	Hệ tuần hoàn hở	Hệ tuần hoàn kín	Thành phần cấu tạo	Tim, hệ mạch (động mạch, tĩnh mạch), dịch tuần hoàn (máu lẫn dịch mô).	Tim, hệ mạch (động mạch, mao mạch, tĩnh mạch), dịch tuần hoàn (máu).	Đường di chuyển của máu	Tim → Động mạch → Khoang cơ thể → Tĩnh mạch → Tim.	Tim → Động mạch → Mao mạch → Tĩnh mạch → Tim.	Áp lực máu trong mạch	Thấp	Cao hơn	Vận tốc máu chảy trong mạch	Chậm	Nhanh hơn	0,25
	Đặc điểm	Hệ tuần hoàn hở	Hệ tuần hoàn kín														
	Thành phần cấu tạo	Tim, hệ mạch (động mạch, tĩnh mạch), dịch tuần hoàn (máu lẫn dịch mô).	Tim, hệ mạch (động mạch, mao mạch, tĩnh mạch), dịch tuần hoàn (máu).														
	Đường di chuyển của máu	Tim → Động mạch → Khoang cơ thể → Tĩnh mạch → Tim.	Tim → Động mạch → Mao mạch → Tĩnh mạch → Tim.														
	Áp lực máu trong mạch	Thấp	Cao hơn														
	Vận tốc máu chảy trong mạch	Chậm	Nhanh hơn														
		0,25															
		0,25															
		0,25															
		0,25															
		0,25															

----- Hết -----